

Bản án số 312/2024/HC-PT

Ngày 16/8/2024

Về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: ông Trần Đức Kiên, bà Võ Thị Ngọc Dung

- **Thư ký phiên tòa:** bà Đặng Ngọc Gia Linh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 541/2024/TLPT-HC ngày 30/5/2024 về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2024/HC-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1499/2024/QĐ-PT ngày 01/8/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

Người khởi kiện: ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1952 và vợ là bà Phạm Thị L, sinh năm 1952; địa chỉ: K đường C, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng; ông Đ có mặt, bà L vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ là ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: K đường C, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, ông T có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ, bà L là Luật sư Nguyễn Huy H, thuộc Công ty L4 và Cộng sự, Đoàn Luật sư thành phố Đ; địa chỉ: B T, quận T, thành phố Đà Nẵng, Luật sư H có mặt.

Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, TP Đà Nẵng;

2. Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng;

Địa chỉ: D L, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND quận N và UBND quận N là ông Mai N - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng, vắng có văn bản đề nghị xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND quận N và UBND quận Ngũ Hành S là ông Lê Văn T1 (Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận Ngũ Hành S) và ông Cao Thanh H1 (Giám đốc Ban giải phóng mặt bằng quận N) đều vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại Đơn khởi kiện ngày 20/4/2023, Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 16/5/2023 và trong quá trình tố tụng, Người khởi kiện là vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị L trình bày:* Năm 2005 vợ chồng ông Nguyễn Hồng Q (Q1) bà Lê Thị Thanh L1 ký Hợp đồng (được Chủ tịch UBND phường K xác nhận, ký tên và đóng dấu ngày 10/10/2005), nội dung tặng cho Ông Bà 170m² đất thuộc thửa đất số 78. Trên diện tích 170m² đất được tặng cho có ao nuôi cá và vợ chồng ông Đ sử dụng liên tục từ năm 2005 đến năm 2011 thì bị thu hồi, hàng năm Ông Bà đều nộp thuế loại đất ở cho Nhà nước. Ngày 26/10/2010, UBND quận N ban hành Quyết định số 4265/QĐ-UBND thu hồi đất của gia đình Ông Bà để thực hiện dự án mở rộng Khu đô thị M và ngày 09/8/2011 ban hành Quyết định số 2353/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về nhà, đất cho các hộ dân thuộc dự án, trong đó hộ gia đình Ông B được hỗ trợ 100% giá đất trồng cây hàng năm hạng 1 đồng bằng (đơn giá 35.000đ/m²) cho diện tích thu hồi 146,9m² và bồi thường cây cối trên đất theo Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố Đ. Ông Đ, bà L cho rằng đất của Ông Bà kê khai và sử dụng từ năm 2000, được Hội đồng đo đạc của phường xác định có trước ngày 01/7/2004 là đất ở, nhưng thời điểm đó chưa làm sổ đỏ, nhưng nay UBND quận N tính giá bồi thường đất nông nghiệp là đúng mà phải bồi thường theo giá đất ở nên khiếu nại. Ngày 29/4/2014, Chủ tịch UBND quận N ban hành Quyết định số 1237/QĐ-UBND giải quyết đơn khiếu nại không chấp nhận khiếu nại của ông Đ. Ông Đ tiếp tục khiếu nại và tại Quyết định số 8434/QĐ-UBND ngày 29/4/2014 Chủ tịch UBND thành phố Đ giải quyết khiếu nại lần 2 không chấp nhận khiếu nại của ông Đ.

Năm 2007, ông Đ khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng yêu cầu hủy Quyết định số 8434/QĐ-UBND ngày 29/4/2014 của Chủ tịch UBND thành phố Đ. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/HC-ST ngày 05/7/2017 Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ, nhưng tại Bản án hành chính phúc thẩm số 02/2017 ngày 10/11/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ hủy Quyết định số 8434/QĐ-UBND ngày 29/4/2014 của Chủ tịch UBND thành phố Đ.

Sau khi Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành, theo chỉ đạo của UBND thành phố Đ, Chủ tịch UBND quận N đã hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1237/QĐ-UBND, giao UBND quận N rà soát lại tính pháp lý đối với việc thu hồi, đền bù cho hộ ông Đ. Ngày 26/12/2022 trên cơ sở Tờ trình số 620/TTr-BGPMB NHS của Ban giải phóng mặt bằng quận N, UBND quận N ban hành Quyết định số 4160/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với hộ gia đình ông Đ, theo đó, hỗ trợ 100% giá đất trồng cây hàng năm hạng 1 đồng bằng cho diện tích 146,9m² đất và hỗ trợ 80% vật kiến trúc trên đất, tổng số tiền hỗ trợ là 9.299.040 đồng. Ông Đ khiếu nại thì tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 456/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 Chủ tịch UBND quận N không chấp nhận khiếu nại của ông Đ.

Nay, ông Đ, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 4160/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND quận N về phê duyệt phương án

bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với hộ gia đình ông Đ; + hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 456/QĐ 21/3/2023 của Chủ tịch UBND quận N.

Người bị kiện là UBND quận N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N trình bày:

* Sau khi Bản án hành chính phúc thẩm số 02/2017 ngày 10/11/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 8434/QĐ-UBND ngày 29/4/2014 của Chủ tịch UBND thành phố Đ, UBND quận N đã chỉ đạo rà soát tính pháp lý diện tích đất hộ gia đình ông Đ bị thu hồi thì Hội đồng bồi thường UBND quận họp rà soát kết luận: Hộ ông Đ nhận tặng đất từ vợ chồng ông Q, Hợp đồng tặng cho được UBND phường K xác nhận ngày 10/10/2005 (sau thời điểm ngày 01/7/2004); Vị trí thửa đất không liên quan đến thửa đất mà vợ chồng ông Q được UBND thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Thời điểm thu hồi đất, lập hồ sơ đền bù, trên đất không có nhà ở, hộ ông Đ chưa làm các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; do đó, Hội đồng bồi thường kết luận “*Giữ nguyên mức bồi thường, hỗ trợ về đất trước đây nội dung Quyết định số 2353/QĐ-UBND ngày 9/8/2011 của UBND quận N, trong đó chỉ điều chỉnh hủy bỏ phần nội dung ghi “ODT” trong trích ngang hồ sơ tại Quyết định số 2353/QĐ-UBND ngày 9/8/2011 của UBND quận N*”. Vì vậy, ngày 09/9/2020, UBND quận N ban hành Quyết định số 2940/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh mức bồi thường đối với hộ ông Đ như sau:

+ Giữ nguyên mức bồi thường về đất và cây cối hoa màu, cụ thể giữ nguyên mức phê duyệt: Kiệt rộng 2,2m, khoảng cách đến đường N 50,0m < 100,0m; Vị trí 4 đường phố loại 5 (đơn giá: 730.000đ/m²), hệ số khoảng cách 0,95. Hỗ trợ 100% giá đất trồng cây hàng năm hạng 1 đồng đơn giá 35.000đ/m² cho diện tích 146,9m²; bồi thường cây cối trên đất theo Quyết định 36/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND thành phố Đ;

+ Điều chỉnh hủy bỏ phần nội dung ghi “ODT” trong bản trích ngang tại cột diện tích thu hồi tại Quyết định 2353/QĐ-UBND ngày 9/8/2011 của UBND quận N đã được phê duyệt trước đây;

+ Bổ sung nội dung phê duyệt tại Quyết định 2353/QĐ-UBND ngày 9/8/2011 của UBND quận N về phê duyệt mức bồi thường về vật kiến trúc, cụ thể bổ sung thêm: Bồi thường 100% phần vật kiến trúc theo Quyết định 36/2009/QĐ-UBND của UBND thành phố Đ.

Hộ ông Đ không đồng ý mà vẫn khiếu nại nên đề thận trọng ngày 28/12/2020 UBND quận N ban hành Quyết định số 4339/QĐ-UBND thu hồi, hủy bỏ Quyết định 2940/QĐ-UBND ngày 09/9/2020.

* Ngày 13/12/2021 UBND phường K có Báo cáo số 1115/BC-UBND về nguồn gốc đất của hộ ông Đ: “*nguồn gốc đất ông Nguyễn Hồng Q (Q1) bà Lê Thị Thanh L1 tự khai phá đất để ở trước năm 1975 đã được UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận QSHN ở và QSDĐ ở ngày 17/1/2001 tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 199, diện tích 924,7m² (300,0m² đất ở; 627,7m² đất khuôn viên); phần diện tích của ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị L nhận chuyển nhượng một phần đất của ông Nguyễn Hồng Q (Q1) bà Lê Thị Thanh L1 theo hợp đồng cho tặng*

QSDĐ được UBND phường K xác nhận ngày 10/10/2005, căn cứ Biên bản xác định hiện trạng ranh giới mốc thửa đất trong hồ sơ lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSDĐ của ông Nguyễn Hồng Q (Q1) bà Lê Thị Thành L2 ngày 11/1/2003 thì phía Tây giáp đất màu. Đối soát hồ sơ giải tỏa và Giấy chứng nhận QSDĐ của ông Nguyễn Hồng Q thì vị trí thửa đất ông Nguyễn Văn Đ bà Phạm Thị L nhận chuyển nhượng năm 2005, nằm ngoài Giấy chứng nhận của ông Nguyễn Hồng Q, thuộc đất màu do ông Nguyễn Hồng Q (Q1) bà Lê Thị Thanh L1 quản lý sử dụng” nên ngày 10/01/2022, UBND quận N ban hành Quyết định số 48/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường cho hộ ông Đ, cụ thể:

+ Vị trí 4 đường phố loại 5 (đơn giá 730.000đ/m²), hệ số khoảng cách 0,95; hỗ trợ 100% giá đất trồng cây hàng năm hạng 1 đồng bằng (đơn giá 35.000đ/m², diện tích 146,9m²;

+ Hỗ trợ 80% vật kiến trúc trên đất theo Quyết định 36/2009/QĐ-UBND; Bồi thường cây cối trên đất theo Quyết định 36/2009/QĐ-UBND, tổng giá trị bồi thường được phê duyệt 9.299.040 đồng.

Hộ ông Đ vẫn khiếu nại, nên để làm rõ hơn nguồn gốc sử dụng đất của hộ ông Đ, ngày 15/7/2022, UBND quận N ban hành Quyết định số 2195/QĐ-UBND thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 48/QĐ-UBND.

* Ngày 07/12/2022, UBND phường K có Báo cáo số 1025/BC-UBND về nguồn gốc sử dụng thửa đất số 40, tờ bản đồ 81 diện tích 146,9m², loại đất cây hàng năm của ông Đ thì thời điểm thu hồi đất của hộ ông Đ là đất trồng cây hàng năm, không có nhà ở, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ địa chính lập năm 2007 của phường K thì ông Đ và bà L không có tên đăng ký sử dụng đất tại khu vực này, đất thu hồi của ông Đ, bà L bị thu hồi thuộc một phần thửa đất số 40, tờ bản đồ số 79, diện tích 1.906,2m² (trong đó ODT: 300m²; LNK: 1606,2m²) do vợ chồng ông Q, bà L1 kê khai. Ngoài kê khai thửa đất 40, ông Q, bà L1 còn sử dụng thửa đất số 98, tờ bản đồ 119 diện tích 924,7m², trong đó đất ở 300m², đất khuôn viên 624,7m² được UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 73101 ngày 17/01/2004. Căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận thì thửa đất thu hồi của ông Đ và bà L nằm về hướng Tây của thửa đất cấp Giấy chứng nhận cho ông Q và bà Q1 và theo Biên bản mô tả ranh giới thì phía Tây của thửa đất cấp giấy chứng nhận cho ông Q, bà Q1 là đất màu, phần 170m² đất tặng cho không nằm trong thửa đất số 98, tờ bản đồ số 119; thời điểm sử dụng đất của ông Đ và bà L sau ngày 01/7/2004, hiện trạng sử dụng đất không vào mục đích để ở, chỉ trồng cây, ông Đ và bà L sử dụng đất không có giấy tờ chứng minh sử dụng đất vào mục đích để ở trước ngày 01/7/2004; vì vậy, ngày 26/12/2022 UBND quận N ban hành Quyết định số 4160/QĐ-UBND về bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Đ, cụ thể:

+ Hỗ trợ 100% giá đất trồng cây hàng năm hạng 1 đồng bằng (đơn giá 35.000đ/m²) diện tích 146,9m²;

+ Hỗ trợ 80% vật kiến trúc theo Quyết định 36/2009/QĐ-UBND;

+ Bồi thường cây cối trên đất theo Quyết định 36/2009/QĐ-UBND, tổng giá trị bồi thường 9.299.040 đồng.

* Ông Đ khiếu nại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 4160/QĐ-UBND và tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 456/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 Chủ tịch UBND quận N không chấp nhận khiếu nại của ông Đ. Từ các căn cứ trên, người bị kiện đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà L.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 03/2024/HC-ST ngày 29/3/2024, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 196, Điều 206 và Điều 213 của Luật Tố tụng hành chính; Căn cứ Điều 5 và Điều 6 của Quyết định số 36/2009/QĐ ngày 24/12/2009 của U về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn TP Đà Nẵng; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị L về việc hủy Quyết định số 4160/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với ông (bà) Nguyễn Văn Đ, Phạm Thị L thuộc diện giải tỏa dự án Khu S mở rộng - Khu đô thị M, phường K, quận N, Đà Nẵng và hủy Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND quận N đối với ông Đ bà L.*

2. *Án phí hành chính sơ thẩm ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị L phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009799 ngày 07/6/2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị L đã nộp đủ. Sau khi xét xử sơ thẩm:*

- Ngày 04/4/2024, ông Đ kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, hủy Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 4160/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND quận N và Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 456/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của Chủ tịch UBND quận N .

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Đ giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính;

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng nội dung vụ án, đúng pháp luật, nên đề nghị bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Năm 2005 vợ chồng ông Đ được vợ chồng ông Nguyễn Hồng Q (Q1) bà Lê Thị Thanh L1 tặng cho 170m² đất, Hợp đồng tặng cho được Chủ tịch UBND phường K ký tên, đóng dấu ngày 10/10/2005. Hồ sơ địa chính năm 2007 phường K thể hiện diện tích đất thu hồi của vợ chồng ông Đ, bà L thuộc một phần thửa đất số 40, tờ bản đồ số 79 diện tích 1.906,2m² (trong đó 300m² đất ở, 1.606,2m² đất trồng cây hàng năm khác) do ông Nguyễn Hồng Q (Q1) và bà Lê Thị Thanh L1 kê khai, thửa đất số 40 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài kê khai thửa đất số 40 thì tại khu vực này, vợ chồng ông Nguyễn Hồng Q (Q1) và bà Lê Thị Thanh L1 còn sử dụng thửa đất số 98, tờ bản đồ số 119 diện tích 924,7m² (gồm 300m² đất ở và 624,7m² đất khuôn viên) đã được UBND thành phố Đ cấp *Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở* số phát hành 73101 ngày 17/01/2004. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 98 cho ông Q, bà L1 thể hiện đất vợ chồng ông Q, bà L1 tặng cho ông Đ, bà L nằm về hướng Tây của thửa đất số 98, đất cho ông Đ, bà L là đất màu chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2] ***Biên bản xác minh*** ngày 12/3/2024 do Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng lập tại Ban giải phóng mặt bằng quận N thể hiện:

Thửa đất số 40, tờ bản đồ 79, phường K, quận N là thửa đất độc lập với thửa 98, tờ bản đồ số 119 mà vợ chồng ông Q được UBND thành phố Đ cấp *Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở* số phát hành 73101 ngày 17/01/2004. Ông Q, bà L1 đã chuyển nhượng thửa đất số 40 (đất màu) cho 13 hộ nằm trong khu vực giải tỏa, trong đó có hộ ông Đ với tổng diện tích đất chuyển nhượng 1.788,5m², thực tế diện tích đất còn lại (1.906,2m² - 1.788,5m²) có biến động so với diện tích đất thửa 40 cũ;

Thửa đất số 98, tờ bản đồ số 119 diện tích 924,7m² gồm 300m² đất ở và 624,7m² đất khuôn viên mà ông Q, bà L1 đã được UBND thành phố Đ cấp *Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở* số phát hành 73101 ngày 17/01/2004 thì ông Q, bà L1 đã chuyển nhượng cho nhiều người, cụ thể: + chuyển nhượng cho vợ chồng ông Lê Văn Q2 và bà Phạm Thị L3 166,8m² gồm 113,8m² đất ở và 53m² đất khuôn viên, đã hoàn thành trước bạ sang tên ngày 17/4/2007; + chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân Q3 và bà Nguyễn Thị Ánh T2 144,0m² gồm 70,2m² đất ở và 73,8m² đất khuôn viên, đã hoàn thành trước bạ sang tên ngày 09/7/2008; + chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hồng C 103,2m² gồm 50,8m² đất ở và 52,4m² đất khuôn viên, đã hoàn thành trước bạ sang tên ngày 24/7/2008; diện tích còn lại sau khi chuyển nhượng 510,7m² gồm 65,2m² đất ở và 445,5m² đất khuôn viên, sau khi bị thu hồi 445,1m² thì ông Q, bà L1 còn sử dụng 118,2m².

[3] Từ [1] và [2] trên, đủ cơ sở xác định diện tích đất của hộ ông Đ bị thu hồi thuộc một phần thửa đất số 40, tờ bản đồ số 79 do ông Q, bà L1 kê khai năm 2007 trong Sổ mục kê, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc

ông Đ, bà L cho rằng diện tích đất của Ông B bị thu hồi năm 2011 nằm trong thửa đất số 98, tờ bản đồ 119 là không có cơ sở.

[4] Tại Quyết định số 36/2009/QĐ ngày 24/12/2009 của UBND thành phố Đ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất quy định: **Điều 5.** Điều kiện và mức bồi thường 100% giá trị đất ở: 1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở có vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở ổn định, liên tục thuộc khu dân cư trước ngày 18/12/1980, có một trong các loại giấy tờ sau: a) Có tên trong Sổ địa chính (sổ đăng ký ruộng đất) hoặc các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất có ghi nhận rõ ranh giới, diện tích thửa đất ở (hoặc thổ cư) phù hợp với hiện trạng đang sử dụng thì diện tích đất vườn, ao đó được xác định là đất ở. 2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở ổn định, liên tục thuộc khu dân cư từ ngày 18/12/1980 đến thời điểm thu hồi đất, có một trong các loại giấy tờ sau: a)...b)... d) Có tên trong sổ địa chính, sổ đăng ký ruộng đất lập theo Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận thì được bồi thường đối với phần diện tích đất ở xác định ghi trong hồ sơ đó". **Điều 6.** Điều kiện, mức bồi thường 50% giá trị đất ở: Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở ổn định, liên tục thuộc trường hợp sau đây: 1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở ổn định, liên tục do nhận chuyển nhượng, cho, tặng, tự chuyển mục đích sử dụng sang đất ở từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004, nhưng không có giấy tờ hợp lệ, đã sử dụng làm nhà ở ổn định, được UBND phường, xã xác nhận không tranh chấp thì được bồi thường 50% giá trị đất ở nhưng không quá hạn mức giao đất ở, diện tích còn lại (nếu có) thì hỗ trợ đất nông nghiệp". Xét, đất ông Đ được vợ chồng ông Q tặng cho năm 2005 là đất màu, thuộc thửa số 40, tờ bản đồ số 79, diện tích đất màu này ông Q bà L1 mới kê khai trong Sổ mục kê, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; vợ chồng ông Đ sử dụng diện tích đất màu được tặng cho từ năm 2005 và đến thời điểm thu hồi năm 2011 trên đất không có nhà ở; do đó, UBND quận Ngũ Hành Sơn căn cứ Điều 5, Điều 6 của Quyết định số 36/2009/QĐ nêu trên không chấp nhận yêu cầu của ông Đ về bồi thường, hỗ trợ diện tích đất bị thu hồi là đất ở mà ban hành Quyết định số 4160/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 hỗ trợ hộ gia đình ông Đ 100% giá đất trồng cây hàng năm hạng 1 đồng bằng (đơn giá 35.000đ/m²) đối với diện tích đất thu hồi 146,9m², hỗ trợ trị giá 80% vật kiến trúc trên đất và bồi thường cây cối trên đất là có căn cứ, đúng pháp luật; ông Đ khiếu nại, Chủ tịch UBND quận N ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 456/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 không chấp nhận khiếu nại của ông Đ là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ là có căn cứ, đúng pháp luật nên cấp phúc thẩm bác kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, ông Đ phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 và Điều 348, 349 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, giữ nguyên quyết định

của bản án hành chính sơ thẩm số 03/2024/HC-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, trừ vào 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001444 ngày 16/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra III-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân